TAND HUYỆN CẨM THỦY **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/03/2025
Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình và ông Nguyễn Hữu Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên toà: Ông Phạm Thúc Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 03 năm 2025, Tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số 175/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn và nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HNGĐ ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Như N- Sinh năm 1994

HKTT: Thôn Bái Đa 1, xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Cao Văn D - Sinh năm 1991

HKTT: Thôn Trung Độ, xã Cẩm Châu, huyện CT, tỉnh TH.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 (Đã được tống đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Chị và anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy vào ngày 14/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không tu chí làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ năm 2016 đến nay vợ chồng

sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Cao Tuấn Nhật - Sinh ngày 04/01/2016. Hiện tại cháu Cao Tuấn Nhật đang ở với ông bà nội và anh D. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Tuấn Nhật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị Tự nguyện thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại thời điểm chị N làm đơn xin ly hôn anh D không có mặt ở nhà, do đang đi làm ăn ở tỉnh Đắc Nông. Anh D không về nhà nhưng thường xuyên gọi điện về cho mẹ đẻ (Bà Phạm Thị Hạnh) và cháu Nhật. Anh D liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể của mình. Do vậy Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, đồng thời làm việc với bà Phạm Thị Hạnh để giao các văn bản tố tụng. Bà Hạnh đã nhận các văn bản tố tụng và cam kết thông báo cụ thể cho anh D. Bà Hạnh nói lại ý kiến của anh D (Có xác nhận trong biên bản làm việc với Tòa án) là: Anh D không về được vì lý do công việc, anh nhất trí ly hôn với chị N, anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Tuấn Nhật - Sinh ngày 04/01/2016, anh có nguyện vọng được nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị N tự nguyện thực hiện, anh D không yêu cầu.

Tòa án đã tiến hành xác minh và giao các văn bản tố tụng hợp lệ, đủ cơ sở khẳng định anh D cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ, không đến Tòa để giải quyết vụ án. Các văn bản tố tụng Tòa án đã giao cho bà Phạm Thị Hạnh gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227 và điều 273 BLTTDS; Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị: Xử cho chị Bùi Thị Như Nđược ly hôn anh Cao Văn D; Giao cháu Cao Tuấn Nhật - Sinh ngày 04/01/2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị N tự nguyện.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Như Nlàm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh Cao Văn D có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Trung Độ, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về "Ly hôn và nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 điều 28 BLTTDS.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho bà Phạm Thị Hạnh (Mẹ đẻ anh D), đồng thời bà Hạnh cam kết thông báo cho anh D biết, nhưng anh D vẫn cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ. Vì vậy xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về Hôn nhân: Chị N và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy ngày 14/10/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống chị N và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Bùi Thị Như Nđược ly hôn anh Cao Văn D là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị Bùi Thị Như Nvà anh Cao Văn D có 01 con chung là cháu Cao Tuấn Nhật - Sinh ngày 04/01/2016. Chị N đề nghị giao cháu Nhật cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị N tự nguyện thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo như bà Phạm Thị Hạnh (Mẹ đẻ anh D) thì anh D cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Cao Tuấn Nhật, vì lâu nay cháu đang ở ổn định với bố và bà nội.

Xét thấy nguyện vọng của chị N và anh D là hoàn toàn chính đáng. Cháu Nhật đang sinh sống ổn định với bố và bà nội và tại đơn nguyện vọng ngày 09/12/2024 cháu Nhật cũng muốn được tiếp tục ở với anh D. Vì vậy nên giao cháu Cao Tuấn Nhật cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị N tự nguyện thực hiện.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227 và điều 273 BLTTDS; Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Như N.

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Như Nđược ly hôn với anh Cao Văn D.

Về con chung: Giao cháu Cao Tuấn Nhật - Sinh ngày 04/01/2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị N tự nguyện thực hiện.

Chị N có quyền nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005056 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Bình **Nguyễn Hữu Thư** **Nguyễn Trọng Sơn**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDH. Cẩm Thủy;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã thực hiện đăng ký;
- Lưu Hồ sơ.

Nguyễn Trọng Sơn